TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06-02-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K, TỈNH HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Đức Huấn.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Dựng.
2. Bà Trần Thị Nhi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long-Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Thúy Diệp-Kiểm sát viên.

Ngày 06/02/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 342/2023/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2023 về "ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1989.
Bị đơn: Anh Trương Văn H1, sinh năm 1985.
Đều có địa chỉ: Thôn N1, xã M1, thị xã K, tỉnh Hải Dương.
Chị L1, anh H1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn-chị Nguyễn Thị L1 trình bày:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị kết hôn với anh Trương Văn H1, sinh năm 1985 vào ngày 03/5/2010 trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, khi cưới có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M1, thị xã K. Sau ngày cưới, chị về gia đình anh H1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H1 mải chơi lô đề, cờ bạc, thường xuyên rượu chè, hay chửi mắng vợ con. Năm 2011, anh H1 bị Tòa án nhân dân huyện K xử phạt 10 tháng tù về tội đánh bạc. Mặc dù đã được hai bên gia đình động viên, khuyên bảo nhưng anh H1 không chịu sửa đổi. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, đỉnh điểm là năm 2021, anh H1 thường xuyên đánh đập và nhốt chị trong nhà. Do xác định không thể chung sống với anh H1 được nữa nên chị đã về gia đình bố mẹ đẻ thuộc Xóm 2, xã M1 sống ly thân với anh

H1 từ đó đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

2. Quan hệ về con chung: Vợ chồng chị có 03 con là Trương Quang V1, sinh ngày 05/11/2011, Trương Thị Kim N2, sinh ngày 22/8/2013 và Trương Thị Kim A1, sinh ngày 14/11/2018. Các con Trương Thị Kim N2 và Trương Thị Kim A1 đang do chị nuôi dưỡng, con Trương Quang V1 do anh H1 nuôi dưỡng kể tư khi vợ chồng sống ly thân. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con Ngân và Anh; giao con Việt cho anh H1 nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty giày da có địa chỉ tại: Phường Hiệp An, thị xã K. Thu nhập bình quân hàng tháng là 10.000.000đ.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Trương Văn H1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Tại Biên bản ghi lời khai, người làm chứng-bà Vũ Thị B1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của Chị L1, anh H1 là con rể bà. Chị L1, anh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M1. Sau ngày cưới Chị L1 về gia đình anh H1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây bà thấy anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H1 là người mải chơi, thường xuyên lô đề, cờ bạc. Năm 2011 anh H1 bị Tòa án xử phạt 10 tháng tù về tội đánh bạc. Sau khi chấp hành án xong, anh H1 không từ bỏ được cờ bạc mặc dù Chị L1 và hai bên gia đình đã nhiều lần động viên, khuyên bảo. Khoảng năm 2021, anh H1 thường xuyên rượu chè rồi đánh chửi vợ con. Do không thể chịu đựng được nên chị Hồng đã về gia đình bà sống ly thân với anh H1 từ đó đến nay. Nay bà xác định mâu thuẫn giữa Chị L1, anh H1 đã trầm trọng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về quan hệ con chung: Chị L1, anh H1 có 03 con là Trương Quang V1, Trương Thị Kim N2 và Trương Thị Kim A1. Trường hợp vợ chồng ly hôn, Chị L1 có nguyện vọng nuôi các cháu Ngân, Anh; giao cháu Việt cho anh H1 nuôi dưỡng thì bà đồng ý. Chị L1, anh H1 đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đều có điều kiện để nuôi dưỡng con.

- Tại Biên bản ghi lời khai, người làm chứng-bà Đỗ Thị V1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh H1, Chị L1 là con dâu bà. Chị L1, anh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M1. Sau ngày cưới Chị L1 và anh H1 chung sống tại Xóm 7, Thôn N1, xã M1. Do sống gần nhau nên bà có biết việc vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H1 làm nghề lái tàu nên mải chơi. Ngoài ra, gia đình bà có nắm được thông tin Chị L1 có biểu hiện quan hệ ngoại tình nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị L1 đã về gia đình bố mẹ đẻ ở cùng thôn sống ly thân với anh H1 từ năm 2021 đến nay. Anh H1 và gia đình bà đã nhiều lần liên lạc để động viên Chị L1 quay về nhưng không có kết quả. Nay Chị L1 có đơn ly hôn, bà đề nghị Tòa án động viên, hòa giải Chị L1 rút đơn về

để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung. Trường hợp Chị L1 cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; về quan hệ con chung: Chị L1, anh H1 có 03 con là Trương Quang V1, Trương Thị Kim N2 và Trương Thị Kim A1. Trường hợp vợ chồng ly hôn, Chị L1 có nguyện vọng nuôi các cháu Ngân, Anh; giao cháu Việt cho anh H1 nuôi dưỡng thì bà đồng ý. Anh H1 làm nghề lái tàu, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ/tháng nên hoàn toàn có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con.

- *Tại Biên bản xác minh ngày 12/01/2024, UBND xã M1 cung cấp*: Chị L1, anh H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã M1, thị xã K vào ngày 03/5/2010. Sau khi kết hôn Chị L1 về gia đình chồng chung sống. Quá trình chung sống tại đây được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H1 mải chơi và có hành vi vi phạm pháp luật. Năm 2021, Chị L1 đã đưa 02 con về gia đình bố mẹ đẻ sống ly thân với anh H1 cho đến nay. Nay Chị L1 làm đơn yêu cầu ly hôn anh H1, địa phương xác định mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng và kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Chị L1, anh H1 có 03 con là Trương Quang V1, sinh ngày 05/11/2011, Trương Thị Kim N2, sinh ngày 22/8/2013 và Trương Thị Kim A1, sinh ngày 14/11/2018. Hiện Chị L1 đang nuôi dưỡng các cháu Ngân, Anh; anh H1 đang nuôi dưỡng cháu Việt. Chị L1, anh H1 đều có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Do đó, địa phương đề nghị Tòa án giao cho Chị L1 nuôi dưỡng các cháu Ngân, Anh; giao cho anh H1 nuôi dưỡng cháu Việt.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã K phát biểu ý kiến, xác định Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Viết tắt: HĐXX) đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L1 ly hôn anh Trương Văn H1; về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L1 trực tiếp nuôi dưỡng các con Trương Thị Kim N2, sinh ngày 22/8/2013 và Trương Thị Kim A1, sinh ngày 14/11/2018; giao cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng con Trương Quang V1, sinh ngày 05/11/2011. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị L1 về việc không yêu cầu anh H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; về án phí: Chị L1 phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*:

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ trông chấp*: Chị Nguyễn Thị L1 khởi kiện tranh chấp về ly hôn, đây là tranh chấp quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn-anh Trương Văn H1 có địa chỉ: Thôn N1, xã M1, thị xã K, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về thủ tục tống đạt*: Quá trình giải quyết vụ án, do anh H1 vắng mặt tại gia đình nên Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho người thân thích có cùng nơi cư trú với anh H1 là bà Đô Thị Vân-Là mẹ đẻ anh H1. Bà Vân cam kết sẽ giao lại tận tay ngay cho anh H1. Như vậy, việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đã đảm bảo đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về thủ tục hòa giải*: Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị L1 có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự*: Chị Nguyễn Thị L1 vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Trương Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị L1 và anh Trương Văn H1 kết hôn vào ngày 03/5/2010, trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã M1, thị xã K. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, Chị L1 về gia đình anh H1 chung sống. Quá trình chung sống tại đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Lộc mải chơi, có hành vi vi phạm pháp luật. Mặc dù đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải, động viên nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, Chị L1 đã đưa con về gia đình bố mẹ đẻ sống ly thân với anh H1 từ năm 2021 đến nay. Vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Từ những căn cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa Chị L1, anh H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX sẽ áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho Chị L1 được ly hôn anh H1.

[3]. *Quan hệ về con chung*: Chị L1, anh H1 có 03 con là Trương Quang V1, sinh ngày 05/11/2011, Trương Thị Kim N2, sinh ngày 22/8/2013 và Trương Thị Kim A1, sinh ngày 14/11/2018. Hiện cháu Trương Quang V1 do anh H1 nuôi dưỡng, các cháu Trương Thị Kim N2, Trương Thị Kim A1 do Chị L1 nuôi dưỡng từ khi vợ chồng sống ly thân. Nay ly hôn quan điểm của gia đình Chị L1

và gia đình anh H1 đều thống nhất đề nghị Tòa án giao các cháu Ngân, Anh cho Chị L1 nuôi dưỡng; giao cháu Việt cho chị Hồng nuôi dưỡng. Xét điều kiện nuôi con của Chị L1, anh H1 thì thấy: Chị L1, anh H1 đều có công việc, thu nhập ổn định và được gia đình hỗ trợ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục con nên đều có điều kiện nuôi con. Các con do Chị L1, anh H1 nuôi dưỡng khỏe mạnh, phát triển bình thường. Căn cứ nguyện vọng của hai bên đương sự, trên cơ sở xem xét ý kiến của con chưa thành niên và ý kiến của Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em-UBND xã M1, trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con, HĐXX thấy cần giao các con Trương Thị Kim N2 và Trương Thị Kim A1 cho Chị L1 trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con Trương Quang V1 cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị L1 về việc không yêu cầu anh H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

[4]. *Quan hệ về tài sản chung, nợ chung*: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình và án phí dân sự về cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 147; các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L1. Xử cho chị Nguyễn Thị L1 ly hôn anh Trương Văn H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con Trương Thị Kim N2, sinh ngày 22/8/2013 và Trương Thị Kim A1, sinh ngày 14/11/2018 đến khi đủ 18 tuổi. Giao cho anh Trương Văn H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Trương Quang V1, sinh ngày 05/11/2011 đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị L1 về việc không yêu cầu anh H1 phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Chị L1, anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L1 phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã K, theo biên lai số AA/2023/0000013 ngày 06/10/2023. Chị Nguyễn Thị L1 đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn (*vắng mặt*) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND xã M1 (*để vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đặng Đức Huấn